

Phụ lục I: CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Số: 01/BCB-PCSD-2024, ngày 19 tháng 08 năm 2024)

D. ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y

Đối tượng: Kỹ thuật Y chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc thay đổi chức danh chuyên môn.

1. **Mục tiêu chung:** Sau khóa học, học viên có khả năng thực hiện được các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh một cách an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. **Mục tiêu cụ thể:** Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với từng đối tượng được quy định tại Thông tư số 32/2023-TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ y tế. Trọng tâm vào các đầu ra sau đây:

2.1 Kiến thức chung:

- Chương trình hội nhập Bệnh viện: Giao tiếp, AIDET, ISBARQ, văn hóa Phương Châu
- Quy định về chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Kỹ thuật y và Trình bày được kiến thức về khóa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học.
- Hiểu và áp dụng nguyên tắc thực hành an toàn và tuân thủ an toàn sinh học phòng Xét nghiệm.
- Người thực hành có kiến thức và kỹ năng thiết yếu về kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm và quản lý chất lượng cho phòng Xét nghiệm y khoa.
- Có kiến thức về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn cũng như các yêu cầu khác về an toàn.

2.2 Thái độ

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.
- Hoàn thành khối lượng công việc, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.
- Đảm bảo ngày công, chấp hành nội quy, quy định của bệnh viện.

3. Khung chương trình đào tạo thực hành 6 tháng đối với đối tượng Kỹ thuật y.

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Khoa Cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	1 tháng	Bắt buộc
Khoa Cận lâm sàng	5 tháng	

3.1 Nội dung

3.1.1 Lý thuyết

STT	Nội dung	Khoa thực hành
1	- Chương trình hội nhập Bệnh viện: Giao tiếp, AIDET, ISBARQ, văn hóa Phương Châu.	Khoa Cận lâm sàng
2	- Quy định về chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng và các quy định liên quan đến công tác Kỹ thuật y.	Khoa Cận lâm sàng
3	- An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn theo chuẩn JCI. - Kiến thức về Kỹ thuật y cơ bản - Quy trình kỹ thuật Kỹ thuật y cơ bản - Quá trình Xét nghiệm - Quản lý chất lượng Xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng
4	- Theo nội dung đã thỏa thuận của hợp đồng hỗ trợ chuyên môn số 1136/HĐCM.2024 ngày 02/08/2024 với Bệnh viện Đa khoa Phương Châu Sa Đéc.	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc

3.1.2 Thực hành

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động
2	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.
3	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động

4	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
5	Định lượng vitamin B12
6	Định lượng Ferritin
7	Định lượng sắt huyết thanh
8	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
9	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
10	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
11	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
12	Tìm tế bào Hargraves
13	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
14	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công
15	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
16	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)
17	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)
18	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)
19	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
20	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
21	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
22	Định lượng Acid Uric
23	Định lượng Albumin
24	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)
25	Đo hoạt độ Amylase
26	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)
27	Đo hoạt độ ALT (GPT)
28	Đo hoạt độ AST (GOT)

29	Định lượng BhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)
30	Định lượng Bilirubin trực tiếp
31	Định lượng Bilirubin gián tiếp
32	Định lượng Bilirubin toàn phần
33	Định lượng Calci toàn phần
34	Định lượng Calci ion hóa
35	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc
36	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)
37	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)
38	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)
40	Định lượng Cholesterol toàn phần
41	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
42	Định lượng Cortisol
43	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)
44	Định lượng Creatinin
45	Định lượng D-Dimer
46	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
47	Định lượng Ethanol (cồn)
48	Định lượng Estradiol
49	Định lượng Ferritin
50	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)
51	Định lượng free β HCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)
52	Định lượng Folate
53	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)
54	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)

55	Định lượng Glucose
56	Định lượng Globulin
57	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
58	Định lượng HbA1c
59	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
60	Xét nghiệm Khí máu
61	Đo hoạt độ Lipase
62	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)
63	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)
64	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
65	Định lượng PAPP-A
66	Định lượng Pro-calcitonin
67	Định lượng Prolactin
68	Định lượng Progesteron
69	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)
70	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)
71	Định lượng RF (Reumatoid Factor)
72	Định lượng Sắt
73	Định lượng SHBG (Sex hormon binding globulin)
74	Định lượng Testosterol
75	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)
76	Định lượng Triglycerid
77	Định lượng Troponin I
78	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)
79	Định lượng Urê
80	Định lượng Vitamin B12

81	Đo hoạt độ Amylase
82	Định lượng Axit Uric
83	Định tính beta hCG (test nhanh)
84	Định lượng Cortisol
85	Định lượng Creatinin
86	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)
87	Định tính Morphin (test nhanh)
88	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
89	Định lượng Clo
90	Định lượng Glucose
91	Định lượng Protein
92	Định lượng Glucose
93	Đo hoạt độ LDH
94	Định lượng Protein
95	Định lượng CRP
96	Vi khuẩn nhuộm soi
97	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
98	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> Real-time PCR
99	<i>Neisseria meningitidis</i>
100	<i>Chlamydia</i> Real-time PCR
101	<i>Treponema pallidum</i> TPHA định tính và định lượng
102	HBsAg test nhanh
103	HBsAg miễn dịch tự động
104	HBsAg định lượng
105	HBsAb test nhanh
106	HBsAb định lượng

107	HBeAg test nhanh
108	HBV đo tải lượng Real-time PCR
109	HBV genotype Real-time PCR
110	HCV Ab test nhanh
111	HCV đo tải lượng Real-time PCR
112	HCV genotype Real-time PCR
113	HIV
114	HIV Ab test nhanh
115	Herpesviridae
116	CMV IgM miễn dịch tự động
117	CMV IgG miễn dịch tự động
118	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động
119	VZV Real-time PCR
120	EV71 IgM/IgG test nhanh
121	Các virus khác
122	Rotavirus test nhanh
123	Rubella virus IgM miễn dịch tự động
124	Rubella virus IgG miễn dịch tự động
125	Ký sinh trùng trong phân
126	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
127	Ký sinh trùng trong máu
128	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động
129	<i>Fasciola</i> (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động
130	<i>Gnathostoma</i> (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động
131	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động
132	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động

133	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch tự động
134	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
135	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
136	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt

4. Đánh giá và xác nhận thực hành lâm sàng

4.1 Điều kiện thi kết thúc chương trình: Sau khi kết thúc chương trình đào tạo 6 tháng và giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành, Trưởng phó khoa/phòng và Phòng Điều dưỡng: Đạt.

4.2 Phương pháp đánh thực hành

- Bộ câu hỏi lý thuyết
- Quan sát thực hành giao tiếp, thực hành quy trình kỹ thuật

4.3 Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết ≥ 5.5
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5.5

5. Tài liệu tham khảo

- *Luật khám chữa, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.*
- *Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.*
- *Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.*
- *Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Kỹ thuật y của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp.*
- *Tài liệu “ Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh” do Cục quản lý khám chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/6/2024.*
- *Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y của Bệnh viện Quốc tế Phương Châu.*